

Bản án số: **11/2018/HSST**

Ngày: **06/02/2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Kim Mỹ và ông Vũ Đức Bính

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm 1992 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Bùi Thị T; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2017. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đảng cộng sản Việt nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Y; có vợ Hoàng Thị K O và chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 25/7/2017. Có mặt

3. Họ và tên: Phạm Văn K, sinh năm 1996 tại huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 9, xã Định Hóa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Thu và bà Bùi Thị Tin; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 25/7/2017. Có mặt

4. Họ và tên: Nguyễn Văn T3, sinh năm 1992 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/10/2017, tạm giam từ ngày 10/10/2017. Có mặt

5. Họ và tên: Nguyễn Thế M, sinh năm 1996 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị X; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 01/8/2017. Có mặt

- Người bị hại:

+ Anh Lã Văn D, sinh năm 1992; Nơi cư trú: xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Phùng Văn PT, sinh năm 1992; Nơi cư trú: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Anh Dương Văn DT, sinh năm 1993; Nơi cư trú: xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt

+ Anh Đỗ Đức DH, sinh ngày 22/9/2002; Nơi cư trú: xóm V, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt

+ Anh Lã Anh LT, sinh ngày 05/02/2001; Nơi cư trú: xóm 5B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn PT2, sinh năm 1992; Nơi cư trú: xóm Phụ Cấp, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

+ Ông Lã Như LH, sinh năm 1957; Nơi cư trú: xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt

+ Ông Trần Văn C, sinh năm 1966; Nơi cư trú: xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt

+ Ông Nguyễn Văn NT, sinh năm 1962; Nơi cư trú: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt

+ Chị Phạm Thị X, sinh năm 1977; Nơi cư trú: xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt

+ Bà Bùi Thị BT, sinh năm 1968; Nơi cư trú: xóm 9, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1961; Nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

+ Chị Hoàng Thị K O, sinh năm 1997; Nơi cư trú: xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Phạm Quang H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Phố P, TT.P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Phạm Đức Đ, sinh năm 1980; Nơi cư trú: xóm 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: xóm 5B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt.

+ Anh Vũ Văn T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt.

+ Anh Mai Văn V, sinh năm 1992; Nơi cư trú: xóm 8, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt.

+ Anh Lê Anh L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: phố N, TT.P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T với anh Lã Văn D cùng sinh hoạt trong nhóm người yêu xe Exciter tự phát huyện K do anh D là trưởng nhóm; do anh D chặn không cho T tải các phát biểu của mình lên trang mạng xã hội facebook của nhóm nên phát sinh mâu thuẫn nên T có ý định trả thù bằng cách đánh cảnh cáo anh D. Khoảng 14 giờ ngày 22/7/2017, T gọi điện cho Phạm Văn K nhờ rủ thêm người đi đánh anh D và nhờ K đặt gỏi để tối nay cả nhóm đi ăn, uống cùng với nhau thì K đồng ý. K rủ Lã Kim KT, Nguyễn Văn MA và Phùng Văn PT. Sau đó PT gọi điện cho Nguyễn Văn T3 rủ T3 đi cùng thì T3 đồng ý. Trên đường đi T, MA, T3 đón thêm Phạm Văn PT2. Đến 19 giờ cùng ngày T, K, KT, PT, MA, T3 và PT2 ngồi ăn ở quán “Gỏi cá mè” của anh Phạm Đức Đ được khoảng 5 phút thì Trần Văn T gọi điện cho Dương Văn DT, DT rủ thêm Đỗ Đức DH đến ăn gỏi cùng, trên đường đi DH rủ thêm Lã Anh LT đi cùng; còn K đi đón thêm Nguyễn Thế M đến ăn gỏi cùng nhóm được một lúc thì Dương Văn DT đi về trước. Trong lúc ăn, uống Trần Văn T nói với cả nhóm là có xích mích với anh D, nhờ mọi người ăn xong đi tìm đánh cảnh cáo anh D.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, cả nhóm đến quán nước của anh Phạm Văn C tại xóm 5B, xã L để uống nước, sau đó DH gọi điện cho Dương Văn DT đến uống nước cùng. Lúc này Nguyễn Văn T2 điều khiển xe mô tô từ nhà lên thị trấn Phát Diệm để uống nước với bạn, khi đi T2 mang theo 01 con dao tự chế dài khoảng 22cm, có vỏ bọc bằng da màu nâu nhét ở cặp quần để phòng thân. Khi đến quán nước của anh C thì T2 ngồi uống nước cùng với nhóm của T. Quá trình ngồi uống nước Trần Văn T nhắc lại chuyện của anh D và nói với cả nhóm đến cầu T đối diện Ủy ban nhân dân xã T đợi anh D đi về để đánh. Khi ngồi ở cầu K nhặt 02 viên đá có KT 08x10x6cm và 12x10x5cm đưa cho M 01 viên, K cầm 01 viên, lúc này T2 biết mọi người ngồi đợi đánh anh D nhưng không về mà ngồi cùng với cả nhóm. Trong khi ngồi, nói chuyện nên một số người trong nhóm biết T2 mang dao bên người. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, không thấy anh D về nên T chủ động nói với cả nhóm là đi lòng vòng trên đường để tìm; sau đó Trần Văn T điều khiển

xe chở KT đi trước ; MA chở K và M; Dương Văn DT chở LT; DH chở T2; Phạm Văn PT2 chở Phùng Văn PT và T3.

Khi đến cầu L, T tách sang bờ Nam sông Ân, nhóm còn lại đi đường bờ Bắc sông Ân, đến cầu Thống Nhất trung tâm TT.P thì gặp anh D đang ngồi trên xe nói chuyện với Vũ Văn T, Mai Văn V và Lê Anh L. T tiến đến chỗ D dùng tay phải quàng vào vai phải kéo D ra khỏi xe và nói ra đây nói chuyện tí, thì nhóm đi bờ Bắc sông Ân vừa tới, biết đó là D đối tượng T nhờ đánh nên K chạy đến đầu tiên ném viên đá vào ngực D rồi dùng tay chân đấm đá, tiếp theo là M cầm đá đập vào người D. Lúc này xe của DH mới đi tới, T2 ngồi sau thấy anh D đang nằm ngửa ở mặt cầu liền chạy đến dùng tay trái rút dao ra khỏi vỏ, vung dao theo chiều từ trên xuống dưới đâm 01 nhát vào vùng ngực phải anh D, rồi rút dao cho vào vỏ và nhét ở cạp quần, thì xe của T3 đến nơi, thấy anh D đang nằm ở cầu, T3 chạy đến dùng chân trái đá vào sườn D một cái thì được anh L bạn D chạy đến can ngăn nên không ai đánh anh D nữa; sau đó cả nhóm của T kéo nhau đi về.

Hậu quả: Anh D bị thương ở vùng đầu và ngực phải, đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện huyện K sau đó chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình để điều trị từ ngày 22/7 đến 02/8/2017.

Quá trình điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ 02 viên đá có KT 08x10x6cm và 12x10x5cm; mẫu máu ký hiệu M2; 01 xe mô tô BKS 35K1-175.87; 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T2; 01 con dao màu trắng bằng kim loại KT 22x03cm, bề mặt bám dính dị vật màu nâu (ký hiệu M1) và vỏ bao bằng da màu nâu; 01 áo phông màu trắng và 01 quần dài màu vàng của Nguyễn Văn T2; 01 áo phông cộc tay màu đen và thu 10 sợi tóc của anh D (ký hiệu M3) để trưng cầu giám định và 02 điện thoại di động của Trần Văn T và Phạm Văn K.

Tại bản kết luận số 65/Th.T-TTPY ngày 21/9/2017 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Ninh Bình xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Lã Văn D là 20%. Tổn thương do vật sắc, nhọn trực tiếp gây nên. Tại bản kết luận giám định số 3776/C54 ngày 21/9/2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát kết luận. Dấu vết trên con dao (ký hiệu M1) và dấu vết ghi thu ở hiện trường (ký hiệu M2) là máu người và là máu của Lã Văn D (phù hợp mẫu AND của mẫu ký hiệu M3).

Nguyễn Văn T3 sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 09/10/2017 ra đầu thú theo Quyết định truy nã số 10/CQĐT ngày 05/10/2017 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện K.

Quá trình điều tra, Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã cùng gia đình ban đầu bồi thường cho người bị hại 40.000.000đ. Ban đầu bị hại không có yêu cầu bồi thường nhưng tại phiên tòa người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm 20.100.000đ.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 10/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K rút một phần quyết định truy tố. Truy tố theo khoản 2, Điều 104 BLHS 1999 và đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết 41/2017/NQ14 và khoản 3, Điều 7; điểm đ, khoản 2, Điều 134 BLHS năm 2015:

Tuyên bố: Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015, điểm b,p khoản 1, Điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 24 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2017.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015, điểm b,p khoản 1 và 2 Điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 24 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2017.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015, điểm b,p khoản 1 và 2 Điều 46 và 47 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 07 tháng đến 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2017.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015, điểm b,p khoản 1, 2 điều 46 và 47 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thế M 06 tháng 05 ngày tù; trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015, điểm b,p khoản 1, điều 46 và 47 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 từ 06 tháng đến 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2017.

Trách nhiệm dân sự: Khoản 2, Điều 42 BLHS 1999; Điều 584,585, 586, 587, 590 BLDS; Điều 246 BLTTDS. Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại tổn thất về sức khỏe và bù đắp tổn thất về tinh thần giữa Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M

Các bị cáo bồi thường cho anh Lã Văn D số tiền 60.000.000đ, đã bồi thường trước 40.000.000đ còn phải bồi thường tiếp 20.000.000đ cho anh D theo phần mỗi bị cáo 4.000.000đ.

Tịch thu tiêu hủy 02 viên đá có KT 08x10x6cm và 12x10x5cm; mẫu máu ký hiệu M2; 01 con dao màu trắng bằng kim loại KT 22x03cm, bề mặt bám dính dị vật màu nâu và vỏ bao bằng da màu nâu; 01 áo phông cộc tay màu đen và thu 09 sợi tóc của anh D; 01 tấm bông dính dị vật màu nâu.

Trả lại cho bị cáo T2: 01 áo phông màu trắng và 01 quần dài màu vàng của Nguyễn Văn T; 01 xe mô tô BKS 35K1-175.87; 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động của Trần Văn T và Phạm Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi , Quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan điều tra Công an huyện K và Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đúng quy định.

[2] Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M trong các lời khai tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay xác nhận tóm tắt nội dung vụ án của Tòa án đúng với thực tế xảy ra. Lời khai của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường mà còn được chứng minh qua vật chứng đã thu giữ và dấu vết để lại trên vật chứng cũng như kết luận số 65/Th.T-TTPY ngày 21/9/2017 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Ninh Bình xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Lã Văn D là 20%. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Chỉ do mâu thuẫn nhỏ với anh D, bị cáo Trần Văn T đã chủ động nhờ và trực tiếp tham gia, tạo điều kiện cho các bị cáo Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M cùng với các bị cáo khác dùng hung khí là đá và dao tự chế gây thương tích cho anh Lã Văn D thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ”; hành vi đó của các bị cáo đã phạm tội “ cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2, Điều 104 BLHS năm 1999. Tuy nhiên do quy định đối với tội phạm này tại khoản 2, Điều 104 BLHS năm 1999 thì khung hình phạt từ 02 đến 07 năm, còn quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 thì mức khung hình phạt từ 02 đến 06 năm; căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng để xử lý đối với các bị cáo.

[3] Chỉ vì một xích mích nhỏ mà bị cáo T đã nhờ đồng bọn tìm đánh gây thương tích cho bị hại D; Hành vi của các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý và nghiêm trọng, xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ; hành vi phạm tội của bị cáo cùng đồng bọn còn gây mất trật tự, an ninh tại địa phương, do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

[4] Trong vụ án này các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội khi được bị cáo Trần Văn T rủ rê trên mối quan hệ quen biết nhau, cùng thực hiện

hành vi gây thương tích; không có tổ chức cấu kết chặt chẽ, không lên kế hoạch, không phân công vị trí vai trò cụ thể; thực hiện hành vi đồng phạm mang tính giản đơn. Nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đưa ra mức hình phạt phù hợp với tính chất mức độ mà từng bị cáo gây ra.

[5] Đối với bị cáo Trần Văn T: bị cáo cho rằng do mâu thuẫn cá nhân nên chỉ nhờ các bạn của mình đi đánh “Cảnh cáo” anh D với mục đích dẫn mặt gây thương tích nhẹ, nên không yêu cầu nhóm bạn mang theo hung khí; việc các bị cáo khác sử dụng hung khí gây thương tích nặng cho anh D là ngoài mong muốn của bị cáo. Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ là lời khai của các bị cáo cùng tham gia, lời khai của người bị hại thì bị cáo là người chủ động nhờ bị cáo K tìm người đánh anh D, khi đã triệu tập đông đủ tại quán nhà anh Đ đã nhờ 09 người nữa tham gia đánh anh D, biết K nhặt đá cục nhưng không ngăn cản; do đó mặc dù hậu quả nghiêm trọng xảy ra ngoài mong muốn của bị cáo nhưng Hội đồng xét xử xác định bị cáo là người khởi xướng, rủ rê, giữ vai trò chính trong vụ án, chịu trách nhiệm về hậu quả do các đồng phạm gây ra, mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác.

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T2: bị cáo là người không có mâu thuẫn thù oán gì với người bị hại, không được nhờ tham gia đánh cảnh cáo anh D, nhưng khi ngồi uống nước cùng được nghe việc T nhờ đánh anh D đã chủ động tham gia, khi anh D đã bị nhóm Trần Văn T, Nguyễn Thế M, Phạm Văn K, đánh ngã nằm trên mặt cầu, không còn khả năng tự vệ nhưng vẫn tích cực tham gia dùng dao tự chế đâm vào ngực phải anh D gây nên vết thương chính dẫn tới thiệt hại 20% sức khỏe của anh D; vì vậy mặc dù giữ vai trò thứ năm nhưng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện ngang với bị cáo Trần Văn T.

[7] Đối với bị cáo Phạm Văn K: là người được bị cáo Trần Văn T nhờ tìm người đánh “Cảnh cáo”, mặc dù biết việc đó là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo không can ngăn, hay báo cáo chính quyền mà nhận lời tích cực giúp đỡ bị cáo T bằng việc gọi cho những bạn bè khác của mình, chủ động đặt địa điểm giúp bị cáo T tụ tập những người khác cùng tham gia đánh anh D gây thương tích, trực tiếp tham gia đánh anh D ngay từ đầu, bị cáo giữ vai trò thứ hai; mức hình phạt thấp hơn bị cáo T và T.

[8] Đối với bị cáo Nguyễn Thế M: là người được bị cáo K đi đón đến nơi tập chung, cũng như bị cáo K mặc dù biết việc đi đánh cảnh cáo anh D là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo không can ngăn, hay báo cáo chính quyền mà nhận lời, tích cực tham gia giúp đỡ bị cáo T bằng việc lúc K đưa hung khí là đá cục vẫn cầm, khi phát hiện ra anh D, chủ động cùng K dùng đá cục tấn công anh D ngay ban đầu giữ vai trò thứ tư nhưng tính chất mức độ phạm tội thấp hơn bị cáo K.

[9] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T3: là người được mời đến nơi tập chung, tại nơi tập chung mặc dù biết việc đi đánh cảnh cáo anh D là vi phạm

pháp luật nhưng bị cáo cũng không can ngăn, hay báo cáo chính quyền mà nhận lời tích cực giúp đỡ bị cáo T bằng việc tham gia tìm kiếm anh D để đánh, khi đến nơi thấy anh D đã bị đánh nằm trên mặt cầu còn xông đến đá vào người anh D; sau khi phạm tội bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, đến 09/10/2017 mới ra đầu thú giữ vai trò thứ năm nhưng tính chất mức độ phạm tội thấp hơn bị cáo Minh.

[10] Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo đều phạm tội lần đầu, khi bị phát hiện đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ thái độ ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường, khắc phục thiệt hại xảy ra; đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Bị cáo M, bị cáo K còn được người bị hại đề nghị cho cải tạo tại địa phương vì tích cực khắc phục thiệt hại nhất; bị cáo T3 bỏ trốn sau đó ra đầu thú; bị cáo T2 có thời gian tham gia bộ đội được khen thưởng chiến sĩ tiên tiến; Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

[11] Xét tính chất mức độ phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 BLHS 2015 nghiêm trị với người chủ mưu, cầm đầu, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Văn T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 nhưng xét tính chất vai trò mức độ phạm tội của hai bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy không đủ điều kiện để áp dụng Điều 47 cho hai bị cáo này khi lượng hình phạt cho hai bị cáo; Bị cáo T2 có thêm tình tiết tại khoản 2 nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo T. Các bị cáo Phạm Văn K, Nguyễn Thế M, Nguyễn Văn T3 tính chất, vai trò trong vụ án thứ yếu; mức độ hậu quả của hành vi phạm tội gây ra không lớn; do đó cần áp dụng thêm điều 47 BLHS 1999 khi lượng hình phạt đối với các bị cáo này.

[12] Đối với các đối tượng : Lã Kim KT, Nguyễn Văn MA, Phùng Văn PT, Phạm Văn PT2, Dương Văn DT, Đỗ Đức DH, Lã Anh LT là người được mời đến nơi tập chung, tại nơi tập chung mặc dù biết việc đi đánh cảnh cáo anh D là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cũng không can ngăn, hay báo cáo chính quyền mà còn tham gia tìm kiếm anh D cùng các bị cáo; nhưng khi các bị cáo đánh anh D thì không tham gia; hành vi của các anh giúp sức cho bị cáo nhưng tự ý nửa chừng chấm dứt hành vi phạm tội; tuy chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa chấp hành và thực hiện đúng pháp luật cũng như nghĩa vụ công dân của mình; cơ quan công an huyện K xử lý hành chính đối với hành vi của các anh là phù hợp.

[13] Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M thỏa thuận được về bồi thường thiệt hại tổn thất về sức khỏe và bù đắp tổn thất về tinh thần với anh Lã Văn D. Theo thỏa thuận các bị cáo bồi thường cho anh Lã Văn D số tiền 60.000.000đ, đã bồi thường trước 40.000.000đ còn phải bồi thường tiếp

20.000.000đ cho anh D theo phần mỗi bị cáo 4.000.000đ. Thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

[14] Đối với các ông bà Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Phạm Thị X, Bùi Thị BT, Trần Thị N là bố mẹ các bị cáo được các bị cáo nhờ bồi thường chi phí khắc phục thiệt hại ban đầu 40.000.000đ cho ông Lã Như LH bố đẻ người bị hại; ông LH đã chi phí số tiền đó cho việc điều trị của anh D. Tại phiên tòa các ông bà không yêu cầu các bị cáo phải thanh toán lại cho các ông bà số tiền 40.000.000đ đã bỏ ra bồi thường trước cho anh D nên HĐXX không xem xét đến trách nhiệm dân sự của các bị cáo, người bị hại đối với các ông bà.

[15] Đối với 02 viên đá, 01 con dao màu trắng bằng kim loại là công cụ của các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và chiếc áo phong cộc tay màu đen là tài sản riêng của anh Lã Văn D đã rách khi bị đâm và cắt khi cấp cứu, anh D không nhận lại cùng 09 sợi tóc đã thu của anh D và 01 que tăm bông thấm chất màu đen đã khô là mẫu vật còn lại sau giám định không có giá trị sử dụng căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 và điểm a, khoản 1, Điều 41 BLHS năm 1999 cần tịch thu tiêu hủy.

[16] Đối với xe mô tô BKS 35K1-175.87 và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T2 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, là phương tiện đi lại chung và là tài sản có giá trị trong gia đình bị cáo, chị O vợ bị cáo không biết việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội; 01 áo phong màu trắng và 01 quần dài màu vàng là tài sản riêng của bị cáo T2 còn giá trị sử dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 41 BLHS 1999 và điểm a, khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 cần trả lại cho bị cáo và gia đình sử dụng.

[17] Đối với 02 điện thoại di động của Trần Văn T và Phạm Văn K sử dụng liên lạc là phương tiện phạm tội. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 41 BLHS 1999 và điểm a, khoản 2, Điều 106 BLTTHS năm 2015 cần tịch thu sung quỹ nhà nước .

[18] Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điều 135, 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2, Điều 104 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14; khoản 3, Điều 7; điểm đ, khoản 2, Điều 134 BLHS năm 2015; điểm b,p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS 1999.

Khoản 2, Điều 42 BLHS 1999; Điều 584, 585, 586, 587, 590 BLDS; Điều 246 BLTTDS.

Điểm b, khoản 1, Điều 41 và khoản 1, Điều 42 BLHS năm 1999; điểm a, c khoản 2 và điểm a, khoản 3, Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Khoản 1, Điều 135, khoản 2 điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M phạm tội “Cố ý gây thương tích” .

2. Xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/7/2017.

- Bị cáo Nguyễn Văn T2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/7/2017.

- Bị cáo Phạm Văn K 06(sáu) tháng 16 (mười sáu) ngày tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/7/2017.

- Bị cáo Nguyễn Thế M 06(sáu) tháng 10 (mười) ngày tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/08/2017.

- Bị cáo Nguyễn Văn T3 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 09/10/2017.

3. Trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại tổn thất về sức khỏe và bù đắp tổn thất về tinh thần giữa Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M.

Các bị cáo bồi thường cho anh Lã Văn D số tiền 60.000.000đ, đã bồi thường trước 40.000.000đ còn phải bồi thường tiếp 20.000.000đ cho anh D theo phần mỗi bị cáo 4.000.000đ.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 02 viên đá có KT 08x10x6cm và 12x10x5cm, 01 con dao màu trắng bằng kim loại KT 22x03cm; 01 chiếc áo phong cộc tay màu đen; 09 sợi tóc; 01 que tăm bông.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T2: 01 áo phong màu trắng và 01 quần dài màu vàng của Nguyễn Văn T2 và xe mô tô BKS 35K1-175.87; 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T2.

- Tịch thu 02 điện thoại di động của Trần Văn T và Phạm Văn K sung công quỹ nhà nước.

3. Án phí: buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn K, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thế M phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngời được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng ngời phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tlong ứng thời gian chla thi hành án theo quy định tại điều 357 và 468 BLDS.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND T, K;
- UBND K;
- Các bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS,VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh